

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-ĐÀ NẴNG**

Số: 24/2025/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 9 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ các Điều 212, 396, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2021/UBTVQH14 ngày 30/12/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2025 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận về nuôi con chung*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc HNGĐ:*

1. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1983; địa chỉ: thôn D, xã Đ, thành phố Đà Nẵng.

2. Chị Nguyễn Thị Tâm A, sinh năm 1998; địa chỉ: thôn H, xã X, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Tâm A tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Đ, thành phố Đà Nẵng) vào ngày 28/4/2020 (*Giấy CNKH số 17/2020*). Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định pháp luật.

Xét thực trạng quan hệ hôn nhân vợ chồng thì thấy: Anh L và chị A chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã nhau, không còn yêu thương nhau và vợ chồng ly thân từ tháng 3/2023 cho đến

nay. Nay anh L và chị A xét thấy hạnh phúc vợ chồng đã thực sự tan vỡ, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thỏa thuận ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn giữa vợ chồng. Xét sự thuận tình ly hôn giữa vợ chồng là tự nguyện, phù hợp với thực tế và không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[2] Về con chung: Anh L và chị A thống nhất khai nhận vợ chồng có 02 con chung, tên là: Nguyễn Kỳ D, sinh ngày 16/11/2020 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 16/01/2023.

Nay ly hôn anh L và chị A thống nhất thỏa thuận giao con chung là Nguyễn Kỳ D, sinh ngày 16/11/2020 cho chị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao con chung Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 16/01/2023 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu D và K đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Không ai yêu cầu đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L, chị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Xét thỏa thuận giao nuôi con chung giữa vợ chồng là hợp pháp, phù hợp với thực tế nên công nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh L và chị A thống nhất khai không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[4]. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Anh L và chị A phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận ý kiến thuận tình ly hôn ngày 11/9/2025, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Tâm A (*giấy chứng nhận kết hôn số 17/2020 ngày 28/4/2020, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam (nay là xã Đ, thành phố Đà Nẵng*).

1.2. Về con chung: Sau ký hôn chị Nguyễn Thị Tâm A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Kỳ D, sinh ngày 16/11/2020; Anh Nguyễn Văn L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung

là Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 16/01/2023 cho cho đến khi các cháu D và K đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Không ai yêu cầu đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh L, chị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở. Khi có lý do chính đáng các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Anh L và chị A không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đề cập.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Tâm A phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) anh L và chị A đã nộp theo biên lai thu số 0002341 ngày 11/9/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực 11-Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Nguyễn Hùng